

Thủ tục công nhận doanh nghiệp ưu tiên

Ban hành tại Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015

1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Doanh nghiệp có văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành gửi đến Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở.
- **Bước 2:** Cục Hải quan tỉnh, thành phố kiểm tra hồ sơ thực tế của Doanh nghiệp (bao gồm kiểm tra sau thông quan).
- **Bước 3:** Sau khi kiểm tra thực tế sau thời hạn 5 ngày làm việc Cục Hải quan tỉnh, thành phố gửi báo cáo lên Tổng cục Hải quan. Căn cứ báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét.
- **Bước 4:** Tổng cục Hải quan và doanh nghiệp tiến hành ký bản ghi nhớ.
- **Bước 5:** Tổng cục Hải quan quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổng cục Hải quan

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị: 01 bản chính (theo mẫu 02a/DNUT ban hành kèm theo Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015);
- + Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 (hai) năm tài chính liên tục, gần nhất: 01 bản chụp;
- + Báo cáo kiểm toán trong 02 (hai) năm tài chính liên tục, gần nhất: 01 bản chụp;
- + Bản kết luận thanh tra trong 02 (hai) năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;
- + Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp trong đó mô tả đầy đủ quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, kiểm soát an ninh an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp: 01 bản chính;
- + Các giấy chứng nhận khen thưởng, chứng chỉ chất lượng (nếu có): 01 bản chụp.

- Đối với dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ có ý kiến trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chủ đầu tư có hồ sơ gửi Tổng cục Hải quan đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. Hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên và cam kết triển khai dự án đúng tiến độ theo mẫu 02b/DNUT ban hành kèm theo Thông tư số 72/2015/TT-BTC: 01 bản chính;

+ Giấy chứng nhận đầu tư, Giải trình kinh tế kỹ thuật: 01 bản chụp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Thời gian xem xét công nhận doanh nghiệp ưu tiên không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. Đối với các trường hợp phức tạp, doanh nghiệp lớn thì có thể gia hạn một lần nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Hải quan.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Hải quan.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

8. Phí, lệ phí: không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- [Mẫu 02a/DNUT](#) ban hành kèm Thông tư 72/2015/TT-BTC,

- [Mẫu 02b/DNUT](#) (đối với dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng có ý kiến trước khi cấp phép đầu tư) ban hành kèm Thông tư 72/2015/TT-BTC.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Doanh nghiệp được xét chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện từ Điều 12 đến Điều 17 Thông tư 72/2015/TT-BTC, cụ thể:

** Điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế:*

Trong thời hạn 02 (hai) năm liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, hải quan tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:

1. Các hành vi trốn thuế, gian lận thuế; buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;
2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương;
3. Đối với đại lý làm thủ tục hải quan, số tờ khai hải quan đại lý làm thủ tục đứng tên bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền xử lý của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và chức danh tương đương không vượt quá tỷ lệ 0,5% tính trên tổng số tờ khai đã làm thủ tục hải quan;
4. Không nợ thuế quá hạn theo quy định.

** Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu:*

1. Doanh nghiệp đạt kim ngạch xuất nhập khẩu từ 100 triệu USD/năm trở lên.
2. Doanh nghiệp đạt kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam từ 40 triệu USD/năm trở lên.
3. Doanh nghiệp đạt kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam từ 30 triệu USD/năm trở lên.
4. Đại lý thủ tục hải quan: số tờ khai hải quan đã làm thủ tục hải quan đứng tên đại lý trong năm đạt từ 20.000 tờ khai/năm trở lên.

Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này là kim ngạch bình quân của 02 (hai) năm liên tục, gần nhất tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị xem xét, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu uỷ thác.

5. Không áp dụng điều kiện kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đối với các doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao.

** Điều kiện về thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử:*

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp đảm bảo yêu cầu kiểm tra của cơ quan hải quan.

** Điều kiện về thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:*

Thực hiện thanh toán đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu qua ngân hàng theo quy định của ngân hàng nhà nước. Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan số tài khoản, danh sách các ngân hàng giao dịch.

** Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ:*

Doanh nghiệp đạt điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ nếu doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp thực hiện và duy trì các quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp;
2. Doanh nghiệp có các biện pháp, phương tiện, quy trình kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:
 - a. Theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa từ doanh nghiệp đến cảng và từ cảng về doanh nghiệp;
 - b. Kiểm tra an toàn container trước khi xếp hàng lên phương tiện vận tải;
 - c. Giám sát tại các vị trí quan trọng: Khu vực tường rào, cổng ra vào, kho bãi, khu vực sản xuất, khu vực hành chính;
 - d. Phân quyền công nhân viên di chuyển, làm việc tại các khu vực phù hợp với nhiệm vụ;
 - đ. Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin;
 - e. An ninh nhân sự.

** Điều kiện chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán:*

1. Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ Tài chính;
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán

độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;
- Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;
- Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.